

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với
Điểm trạm Y tế Núi Đèo, Trạm Y tế phường Thủy Đường
(thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 12/06/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 610/QĐ-SYT ngày 07/05/2025 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Điểm trạm Y tế Núi Đèo, Trạm Y tế phường Thủy Đường (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên);
- Địa chỉ: Tổ dân phố Bạch Đằng 1, phường Thủy Đường, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế;

- Số GPHĐ: 000864/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Nguyễn Hải Yến;
- Số CCHN: 000958/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 31/03/2017;
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế
- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 83 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).
- Danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

Điểm trạm Y tế Núi Đèo, Trạm Y tế phường Thủy Đường (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Nghiệp vụ Y, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế Thành phố Thủy Nguyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC 01: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI Điểm trạm Y tế Núi Đèo, Trạm Y tế phường Thủy Đường
(thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)*

STT	STT theo tt 23	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên Kỹ thuật (cột 4)
1	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
2	160	1.160	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
3	215	1.215	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
4	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
5	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
6	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
7	276	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
8	281	1.281	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
9	403	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
10	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
11	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thở ngạt
12	1233	3.112	03. NHI KHOA	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
13	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
14	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
15	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
16	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
17	4944	3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
18	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
19	5027	3.3909	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ
20	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm

21	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
22	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
23	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
24	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
25	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
26	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
27	6324	8.389	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên
28	6325	8.390	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới
29	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
30	6327	8.392	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thất lưng- hông
31	6330	8.395	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
32	6331	8.396	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
33	6332	8.397	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
34	6333	8.398	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất
35	6335	8.400	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
36	6336	8.401	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác
37	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
38	6343	8.408	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu
39	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ
40	6345	8.410	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress
41	6346	8.411	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
42	6347	8.412	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
43	6348	8.413	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V
44	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên

45	6354	8.419	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
46	6355	8.420	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
47	6356	8.421	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
48	6357	8.422	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
49	6358	8.423	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
50	6359	8.424	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
51	6360	8.425	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
52	6362	8.427	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc
53	6363	8.428	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
54	6364	8.429	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp
55	6365	8.430	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
56	6366	8.431	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
57	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
58	6371	8.436	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
59	6372	8.437	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
60	6373	8.438	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
61	6374	8.439	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
62	6382	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
63	6384	8.449	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm
64	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
65	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
66	13362	13.37	13. PHỤ SẢN	Kiểm soát tử cung
67	13365	13.40	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
68	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai

69	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
70	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
71	13803	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
72	13810	14.207	14. MẮT	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
73	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
74	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai
75	13969	15.57	15. TAI MŨI HỌNG	Trích nhọt ống tai ngoài
76	13970	15.58	15. TAI MŨI HỌNG	Làm thuốc tai
77	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
78	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
79	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
80	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
81	14783	17.53	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có trợ giúp
82	16301	21.13	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dây thắt
83	19075	28.163	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản

**PHỤ LỤC 02: PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM
BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI ĐIỂM trạm Y tế Núi Đèo, Trạm Y tế phường Thủy
Đường (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)*

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Nguyễn Hải Yến	000958/HP-CCHN	KB,CB đa khoa tại trạm y tế, KB,CB nội khoa.	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo lịch phân công	Bác sỹ, Phó trạm trưởng, người chịu trách nhiệm chuyên môn	Không	
2	Nguyễn Thị Xuân	001292/HP - CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật yKhông	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng	Không	
3	Nguyễn Thị Hường	007678/HP - CCHN	KB, CB bằng YHCT	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ định hướng y học dân tộc	Không	
4	Nguyễn Thị Thảo	011010/HP - CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng	Không	
5	Đặng Thái Hà Giang	000459/HP-GPHN	Y học dự phòng	8h/ngày (từ 7h-17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Bác Sỹ	Không	

6	Đoàn Thị Ngọc	001194/HP - CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	8h/ngày (từ 7h- 17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Hộ Sinh	Không	
7	Lý Văn Thành	003791/ HP- CCHN	Theo QĐ41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	8h/ngày (từ 7h- 17h), 5 ngày/ tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng	Không	